
CH-ÔNG IX

KẾT LUẬN

9.1. KẾT LUẬN CHUNG

Nghiên cứu này đã phác họa về môi trường kinh doanh ở các tỉnh thành ngoại vi, từ đó có thể nêu bật một số xu thế và quy luật chung. Các doanh nghiệp ở các tỉnh thành ngoại vi khởi đầu với các điều kiện phát triển kém thuận lợi hơn. Khi các doanh nghiệp ở đây bắt đầu quá trình phát triển của mình, doanh nghiệp phải chịu bất lợi nằm xa thị trường hơn, sở hữu cơ sở hạ tầng thấp kém hơn, và phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp và khu vực kinh tế nhà nước. Mặc dù là quan trọng, nhưng những điều kiện này không nhất thiết quyết định thành công hay thất bại. Ví dụ, một tỉnh như Bình Dương bắt đầu từ những điều kiện tương đối nghèo nàn, nhưng đã đưa các ưu tiên cho việc cải thiện hạ tầng vào chiến lược phát triển của mình. Ngược lại, các tỉnh như Hải Phòng và Hà Tây có những điều kiện ban đầu tương đối thuận lợi, nhưng đã không phát triển lên cùng mức độ như các tỉnh thành phát triển cao.

Cùng với thời gian, mặc dù có những điều kiện ban đầu bất lợi, các tỉnh thành ngoại vi đã bắt đầu tỏ ra hấp dẫn các nhà đầu tư, một phần là do các chi phí ở các tỉnh thành phát triển cao lớn hơn và lợi nhuận thu được giảm dần. Việc thực thi Luật Doanh nghiệp cũng đã hỗ trợ cho sự phát triển của các tỉnh thành ngoại vi. Nhờ có những thay đổi quyết định này, một số nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đã rút vốn khỏi các tỉnh thành từng là động lực tăng trưởng chính của Việt Nam. Những cải thiện pháp lý trong việc bảo vệ quyền lợi của khu vực kinh tế tư nhân đã dẫn tới một sự phát triển mạnh mẽ ở các tỉnh thành ngoại vi từ năm 2000. Mặc dù vẫn còn tụt hậu so với các doanh nghiệp ở các tỉnh thành phát triển cao, các doanh nghiệp vùng ngoại vi đã có mức lợi nhuận, tăng trưởng lao động và doanh thu đầy ấn tượng. Tuy nhiên, sự phát triển này đã đẩy các doanh nghiệp ở Hải Phòng, Thanh Hóa, và Hà Tây tới giới hạn về năng lực sản xuất. Tỉnh duy nhất nơi các doanh nghiệp ở trong tình trạng tài chính yếu kém là Thanh Hóa, nhưng tình trạng công nợ cao tại đây có thể bắt nguồn từ tỷ lệ lợi nhuận từ đầu tư cao trong những năm trước. Với kỳ vọng thu nhập cao, các doanh nghiệp có thể đã tăng nguồn vốn đi vay nhằm mở rộng sản xuất.

Môi trường thị trường ở các tỉnh thành ngoại vi bị hạn chế hơn nhiều so với các tỉnh thành phát triển cao. Trừ trường hợp của Hải Phòng, các doanh nghiệp xuất khẩu rất ít, và mua vào còn ít hơn từ thị trường nước ngoài. Một nguyên nhân gây nhiều quan tâm ở một số tỉnh thành ngoại vi phía Bắc là sự phụ thuộc nặng nề của nhiều doanh nghiệp tư nhân vào việc mua nguyên vật liệu đầu vào và bán sản phẩm đầu ra cho các DNNN. Đây có thể là một trong những nguyên nhân vì sao các doanh nghiệp ở các tỉnh thành này hay cấp tín dụng cho khách hàng. Các phát hiện về cạnh tranh ở khu vực ngoại vi cho thấy các tín hiệu trái ngược. Cạnh tranh chủ yếu diễn ra với các doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ khác, báo hiệu một môi trường cạnh tranh mạnh mẽ và lành mạnh,

có lợi cho người tiêu dùng thông qua đổi mới hàng hóa và giá cả hợp lý. Mặt khác, các doanh nghiệp ở các tỉnh thành ngoại vi thường cảm thấy bị thua thiệt và cho rằng chính quyền ưu ái các đối thủ cạnh tranh hơn. Hình thức chính phủ thường hỗ trợ cho các đối thủ cạnh tranh là hỗ trợ tài chính và chỉ định thực hiện hợp đồng. Khi nghiên cứu tập trung vào cạnh tranh với các DNNN, ảnh hưởng của các điều kiện ban đầu tỏ ra tương đối quan trọng.

Các vấn đề liên quan đến quản lý của chính quyền địa phương tạo nên một đường phân cách rõ ràng giữa các tỉnh thành phát triển và các tỉnh thành ngoại vi, nhưng không phải theo cách thức thường được các nhà phân tích Việt Nam đề cập. Việc thi hành các nội dung khác nhau của Luật Doanh nghiệp đạt kết quả tốt ở nhiều tỉnh thành. Trên thực tế, các vấn đề liên quan tới cấp phép lại thường gặp ở các tỉnh thành phát triển. Hơn nữa, việc chậm phát triển đã cho phép một số tỉnh thành ngoại vi có được lợi thế về khả năng cấp đất cho khu vực kinh tế tư nhân, mặc dù họ cần chú trọng vào việc hợp thức hóa sở hữu không chính thức thông qua việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Một nguyên nhân có thể gây nên sự bất ổn trong tương lai là xu thế các doanh nghiệp tư nhân ở một số tỉnh thành ngoại vi phía Bắc đi thuê đất của các DNNN, thay vì tìm kiếm đất cho riêng mình. Sử dụng nhiều phương thức khác nhau để tìm kiếm thông tin về tính minh bạch tỏ ra đáng tin cậy hơn hỏi thẳng về vấn đề này, và các kết quả thu được cho thấy sự thiếu minh bạch trong quá trình ra quyết định ở cấp tỉnh thành có tác động tiêu cực đối với các tỉnh thành ngoại vi. Về vấn đề này, các khác biệt giữa tỉnh ngoại vi này với tỉnh ngoại vi khác còn lớn hơn giữa các tỉnh thành phát triển và các tỉnh thành ngoại vi. Dự đoán về nguyên nhân gây nên các khác biệt này không giống nhau, từ các khác biệt về văn hóa, đến thực tế là các tỉnh thành phía Nam có lịch sử lâu đời hơn về doanh nghiệp tự do và do đó có nhận thức rõ hơn về các cơ chế của nền kinh tế thị trường.

Phân tích về chi phí giao dịch cho thấy có ba nhóm thủ tục sau: 1) các thủ tục hải quan mà chỉ các tỉnh thành phát triển và Hải Phòng gặp phải; 2) hoạt động thanh tra gây phiền phức ở Nam Định và Huế; và 3) thời gian chờ đợi kéo dài cản trở tiến độ phát triển ở Huế và Hải Phòng. Ở một số tỉnh thành có thể đã ngầm chấp nhận một thỏa thuận tại địa phương - thanh tra cẩn trọng hơn (và trong quá trình này thu nhiều phí hơn) để bù lại với thời gian chờ đợi ngắn hơn, theo yêu cầu của Luật Doanh nghiệp. Có bằng chứng về các vấn đề quản lý nhà nước tại địa phương liên quan tới các khoản tiền thanh toán và “chi phí bôi trơn”, nhưng không có dấu hiệu cho thấy biểu hiện mang tính quy luật ở các tỉnh thành. Điều này có thể bắt nguồn từ sự e ngại của doanh nghiệp trong việc bàn về các chi phí này, và tác động của đầu tư nước ngoài trực tiếp lên yếu tố này của quản lý nhà nước tại địa phương. Khi các doanh nghiệp có tranh chấp về hợp đồng, các cơ chế để giải quyết tranh chấp còn ở tình trạng sơ khai. Rất ít doanh nghiệp cảm thấy an tâm khi phải nhờ đến sự trợ giúp của các cơ quan nhà nước. Chỉ có các doanh nghiệp ở khu vực gần TP HCM là cảm thấy an tâm khi sử dụng hệ thống tòa án. Khi tìm hiểu về nguyên nhân tại sao lại có tâm lý e ngại hệ thống tòa án, các doanh nghiệp đưa ra lý do sợ làm ảnh hưởng đến các mối quan hệ kinh doanh và sợ tốn nhiều thời gian.

Sự năng động và chủ động của các cán bộ địa phương tỏ ra là một yếu tố quan trọng trong việc xác định quy mô và sự năng động của khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt khi mô thị trường của địa phương được tính đến.

Điều tra về thực trạng tài chính cho thấy nguồn vốn cá nhân và các nguồn vay mượn từ bạn bè và gia đình (có thể có hoặc không có nghĩa vụ hoàn trả vốn) là các nguồn vốn cơ bản cho các doanh nghiệp ở cả các tỉnh thành ngoại vi và các tỉnh thành phát triển. Các doanh nghiệp ở Hải Phòng có thể huy động được vốn từ các nhà cung cấp nguyên vật liệu, và các doanh nghiệp ở Thanh Hóa có thể phải tìm đến các cá nhân cho vay không chính thức, nhưng số lượng này còn tương đối nhỏ. Nguồn tài trợ từ ngân hàng chỉ chiếm một vai trò nhỏ bé trong tổng cơ cấu vốn, mặc dù trên thực tế tỷ lệ xin vay vốn thành công ở các tỉnh thành ngoại vi ở mức 60% đầy ấn tượng. Tỷ lệ phần trăm cao như vậy có thể bắt nguồn từ việc một số doanh nghiệp lớn xin vay vốn ngân hàng, và ảnh hưởng mang tính lựa chọn của việc các doanh nghiệp nhỏ hơn hoàn toàn không xin vay vốn, do cảm thấy có ít cơ hội thành công. Số lượng hồ sơ xin vay cũng ít do nhiều doanh nghiệp ở vùng ngoại vi cho rằng tài sản đảm bảo của mình là quá ít hoặc chỉ vay được lượng vốn ít ỏi hoặc mức lãi suất cao. Ở một số tỉnh thành doanh nghiệp quá lo lắng về thủ tục rườm rà, những sự ưu ái đối với các DNNN và cảm giác rằng doanh nghiệp thiếu các mối quan hệ cần thiết để giúp vay được vốn từ ngân hàng.

Điều này dẫn tới một nghiên cứu sơ lược về vai trò của bạn bè và gia đình đối với sự phát triển kinh doanh của khu vực ngoại vi. Vai trò này tương đối lớn ở một số lĩnh vực, bao gồm thỏa thuận với ngân hàng, quan hệ với chính quyền và xúc tiến bán hàng. Sự khác biệt chính giữa các tỉnh thành phát triển và các tỉnh thành ngoại vi về lĩnh vực này là ở vai trò đặc biệt của gia đình trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Do vai trò đặc biệt quan trọng của các mối quan hệ, rất ít doanh nghiệp tìm kiếm các hỗ trợ kinh doanh từ các nhà cung cấp thương mại, trừ trường hợp các vấn đề về máy tính. Khi các doanh nghiệp ở vùng ngoại vi đi tìm kiếm các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh ở thị trường tư nhân, doanh nghiệp thường tỏ ra rất nhạy cảm về giá cả. Những sự khác biệt về mức chi phí doanh nghiệp có thể chấp nhận được cho các dịch vụ kinh doanh giữa các tỉnh thành ngoại vi và các tỉnh thành phát triển có thể là sự khác biệt lớn nhất trong toàn bộ nghiên cứu này. Vấn đề này là có nhiều triển vọng nhất cho các nỗ lực cải thiện từ phía các tổ chức quốc tế.

9.2. ĐỀ XUẤT CHO CÁC NGHIÊN CỨU TIẾP THEO

Báo cáo này chủ yếu được viết từ các điều tra về giám đốc doanh nghiệp và phỏng vấn với các cán bộ địa phương. Đây là các kỹ thuật hữu ích, nhưng các kỹ thuật này mang lại nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời về so sánh các môi trường kinh doanh cấp tỉnh thành. Một số câu hỏi được nêu ra trong quá trình nghiên cứu, và cần được phân tích sâu hơn, bao gồm các vấn đề sau đây:

- Các chủ đề được thảo luận trong báo cáo này chỉ ra những nguyên nhân tương đối cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân cấp tỉnh thành. Cần có những nghiên cứu tiếp theo để hiểu rõ những nguyên nhân sâu xa đằng sau môi trường kinh tế tư nhân. Thực chất là, các động lực văn hóa, lịch sử, địa lý, và kinh tế gì đã dẫn tới các môi trường kinh tế khác nhau mà chúng ta quan sát được ngày nay?
- Cần có nghiên cứu sâu hơn về các trường hợp cụ thể để hiểu rõ những khác biệt tinh tế trong quản lý nhà nước tại địa phương và các mối quan hệ cấp tỉnh thành với chính quyền trung ương, đặc biệt khi những khác biệt này thể hiện ở tính năng động. Chúng ta ít hiểu biết về sự khác biệt về năng lực của các chính quyền cấp tỉnh thành. Một điều quan trọng hơn là, chúng ta ít hiểu biết về lý do tại sao một số chính quyền cấp tỉnh thành có điều kiện để có thể năng động sáng tạo, trong khi các chính quyền địa phương khác lại cảm thấy bị bó buộc hơn.³²
- Cần thực hiện một điều tra mới của Tổng cục Thống kê để nghiên cứu về các doanh nghiệp đang hoạt động. Thứ nhất, một cuộc điều tra như vậy sẽ giúp các nhà nghiên cứu hiểu rằng liệu các vấn đề được đề cập đến trong báo cáo này có tác động gì tới sự tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân theo thời gian hay không. Thứ hai, nó sẽ cho phép tiến hành kiểm tra thấu đáo về mối quan hệ giữa đăng ký kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp theo thời gian. Bao nhiêu trong số các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hiện tại là hoạt động bền vững, và điều gì là nguyên nhân cho sự bền vững đó?
- Cần tiến hành một nghiên cứu nhỏ hơn hiểu rõ hơn các lý do cho những khác biệt về số lượng đăng ký kinh doanh sau khi Luật Doanh nghiệp được thực thi. Điều gì gây nên sự bùng nổ đăng ký kinh doanh tại Hải Phòng và Hà Nội? Ngược lại, tại sao sự tăng trưởng ở Long An, Đồng Nai, và Đà Nẵng lại bị hạn chế hơn? Những điều này là do sự năng động của các cán bộ kinh tế, hay có thể được giải thích bằng những điều kiện đang đổi thay trong môi trường kinh doanh?
- Điều tra của Ngân hàng Thế giới và IFC/MPDF cần được mở rộng tới các tỉnh thành khác. Việt Nam có hơn 60 tỉnh thành, điều này tạo nên rất nhiều khác biệt cho việc kiểm định giả thuyết. Các kết quả của báo cáo này chỉ có thể xem là ước đoán, do chỉ tiến hành điều tra ở một số lượng hạn chế các tỉnh thành, và quá ít các doanh nghiệp phản hồi ở từng tỉnh thành. Mở rộng điều tra, và xây dựng nên một Chỉ số về Môi trường Kinh tế Tư nhân mang tính khoa học hơn với mẫu lựa chọn mới, đưa vào các phương pháp điều tra chuyên sâu cùng với các chỉ số về kinh tế và chính trị mang tính khách quan của các tỉnh thành sẽ là một công cụ nghiên cứu thú vị. Một cách lý tưởng, nghiên cứu cũng nên được lặp lại theo định kỳ, nhằm kịp thời phản ánh các tiến bộ thu được. Một nghiên cứu tiến hành năm năm sau khi Luật Doanh nghiệp bắt đầu được thực thi sẽ là một cơ hội tốt để ghi nhận những đổi thay ở các tỉnh thành.

³² Hiện tại, Quỹ Châu Á và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đang tiến hành nghiên cứu bao gồm rà soát các tài liệu về kế hoạch ở cấp tỉnh thành và các tỉnh hướng nghiên cứu cụ thể, nhằm hiểu rõ hơn tính năng động ở cấp tỉnh thành.